

ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 1
MÔN: THÔNG TIN - TƯ LIỆU SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

(Thời gian làm bài: 180 phút)

I. Phần Lý thuyết (5 điểm)

1. Anh (Chị) hãy trình bày mục đích, phương pháp tiến hành các loại hình tra cứu thông tin sáng chế? (2 điểm)
2. Anh (Chị) hãy nêu những loại tư liệu sở hữu công nghiệp chủ yếu (trong đó nêu rõ các loại tư liệu do Cục Sở hữu công nghiệp Việt Nam ấn hành hoặc lưu trữ) được sử dụng để tra cứu thông tin về quyền sở hữu công nghiệp đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp? (2 điểm)
3. Anh (Chị) hãy trình bày vai trò của thông tin sở hữu công nghiệp đối với doanh nghiệp? (1 điểm)

II. Phần Thực hành (5 điểm)

1. Anh (Chị) hãy trình bày ý nghĩa của các mã số INID (trích từ tiêu chuẩn ST9 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO) được sử dụng trong phân thông tin liên quan đến các đối tượng sở hữu công nghiệp (trong Công báo Sở hữu công nghiệp) sau đây (Phụ lục 1)? (1 điểm)
2. Anh (Chị) hãy giải thích cấu trúc của các phân loại sáng chế sau đây: (3 điểm)
 - C25B 15/02;
 - F24F 1/00;
 - G01G 13/12.
3. Anh (Chị) hãy sử dụng Bảng Phân loại sáng chế quốc tế được xuất bản lần thứ 6 để phân loại các sáng chế sau đây và giải thích: (1 điểm)
 - (i) Sáng chế đề cập đến phân chiết từ *Phyllanthus ussuriensis* hoặc *Phyllanthus urinaria* có hoạt tính điều trị bệnh viêm gan B và phân chiết này được sử dụng để bào chế dược phẩm điều trị bệnh viêm gan B.
 - (ii) Sáng chế đề cập đến quy trình quy trình sản xuất các vật định hình có lớp chắn, đặc biệt là các vật định hình làm bao bì từ nguyên liệu có thể phân huỷ sinh học bằng cách sử dụng khối nguyên liệu sên sệt chứa nguyên liệu sợi có thể phân huỷ sinh học trong hỗn hợp gồm các sợi có độ dài khác nhau, nước và tinh bột và hỗn hợp này được nung trong khuôn nung trong giai đoạn hình thành hợp chất sợi-tinh bột và sáng chế liên quan đến vật định hình được sản xuất theo quy trình này. Sau khi nung, vật định hình được ngâm tẩm xenluloza axetat hoặc xenluloza axetat propionat để trở nên kỵ nước mà không cần các chất dẻo hoá hoặc nó có lớp phủ là màng mỏng bằng cách sử dụng màng mỏng trên cơ sở polyeste, polyeste amit hoặc axit polylactic hoặc vật định hình thể hiện đặc tính kỵ nước sau khi nung bằng cách ngâm tẩm kỵ nước khối nguyên liệu sên sệt.

ĐÁP ÁN ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 1
MÔN: THÔNG TIN - TƯ LIỆU SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

I. Phân Lý thuyết (5 điểm)

1. Các loại hình tra cứu thông tin sáng chế:

- Tra cứu tính mới;
- Tra cứu khả năng được cấp patent;
- Tra cứu tình trạng vi phạm;
- Tra cứu tình trạng kỹ thuật.

Mục đích, phương pháp tiến hành từng loại hình tra cứu thông tin sáng chế nêu trên:

- Tra cứu tính mới:

+ Mục đích: xác định thông tin sáng chế/giải pháp hữu ích làm cơ sở để đánh giá giải pháp kỹ thuật yêu cầu tra cứu (nêu trong Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích hoặc chuẩn bị nộp Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích) có tính mới hay không; **(0,25đ)**

+ Phương pháp tiến hành: tìm kiếm các giải pháp kỹ thuật đã biết trong cùng lĩnh vực kỹ thuật với giải pháp kỹ thuật yêu cầu tra cứu tính đến thời điểm ngày ưu tiên (hoặc ngày nộp đơn) của Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích hoặc đến thời điểm yêu cầu tra cứu. **(0,25đ)**

- Tra cứu khả năng được cấp patent:

+ Mục đích: xác định thông tin sáng chế/giải pháp hữu ích làm cơ sở để đánh giá giải pháp kỹ thuật yêu cầu tra cứu (nêu trong Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích hoặc chuẩn bị nộp Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích) có khả năng được cấp Văn bằng bảo hộ hay không; **(0,25đ)**

+ Phương pháp tiến hành: tìm kiếm các dữ liệu được lưu trữ về sáng chế/giải pháp hữu ích để chứng minh giải pháp kỹ thuật yêu cầu tra cứu có tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. **(0,25đ)**

- Tra cứu tình trạng vi phạm:

+ Mục đích: xác định thông tin sáng chế/giải pháp hữu ích làm cơ sở để đánh giá giải pháp kỹ thuật yêu cầu tra cứu được áp dụng có trùng với sáng chế/giải pháp hữu ích đang được bảo hộ và có xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế/giải pháp hữu ích đó ở một nước nào đó hay không; **(0,25đ)**

+ Phương pháp tiến hành: tìm kiếm sáng chế/giải pháp hữu ích (đang được bảo hộ tại một nước nhất định) có các yêu cầu bảo hộ trùng với giải pháp kỹ thuật yêu cầu tra cứu. **(0,25đ)**

- Tra cứu tình trạng kỹ thuật:

+ Mục đích: xác định các thông tin và tư liệu về sáng chế/giải pháp hữu ích trong một lĩnh vực kỹ thuật cụ thể; **(0,25đ)**

+ Phương pháp tiến hành: tìm kiếm các giải pháp kỹ thuật đã biết trong lĩnh vực kỹ thuật đó tính đến thời điểm nêu trong yêu cầu tra cứu. **(0,25đ)**

2. Những loại tư liệu sở hữu công nghiệp chủ yếu được sử dụng để tra cứu thông tin về quyền sở hữu công nghiệp đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp:

- Công báo Sở hữu công nghiệp hoặc Công báo Sáng chế/Giải pháp hữu ích quốc gia, khu vực hoặc quốc tế; **(0,25đ)**

Tư liệu do Cục Sở hữu công nghiệp ấn hành: Công báo Sở hữu công nghiệp, gồm có hai tập: Tập A (bao gồm các thông tin về Đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp; các yêu cầu xét nghiệm nội dung Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích); Tập B (bao gồm các thông tin về Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá; các thông tin liên quan đến hiệu lực của Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp); **(0,25đ)**

- Đăng bạ quốc gia, quốc tế về sở hữu công nghiệp; **(0,25đ)**

Tư liệu do Cục Sở hữu công nghiệp lưu trữ: Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp (Đăng bạ quốc gia về sở hữu công nghiệp), bao gồm các thông tin về Văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá; **(0,25đ)**

- Các Bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích nêu trong Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích và nêu trong Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích của quốc gia, khu vực và quốc tế; **(0,25đ)**

- Các Bản mô tả tóm tắt sáng chế (Abstract) do Cơ quan Sở hữu công nghiệp quốc gia lưu trữ. **(0,25đ)**

- Cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu đăng ký quốc tế theo Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá (địa quang ROMARIN do WIPO ấn hành); **(0,25đ)**

- Cơ sở dữ liệu về kiểu dáng công nghiệp nộp lưu quốc tế theo Thỏa ước La Hay về nộp lưu quốc tế kiểu dáng công nghiệp (địa quang do WIPO ấn hành). **(0,25đ)**

3. Vai trò của thông tin sở hữu công nghiệp đối với doanh nghiệp:

Thông tin sở hữu công nghiệp là toàn bộ các thông tin liên quan đến đối tượng sở hữu công nghiệp, chủ yếu là sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá. Hệ thống thông tin sở hữu công nghiệp là một nguồn tin phong phú, chính xác, tiện dụng, chi phí thấp. **(0,25đ)**

Đối với doanh nghiệp, thông tin sở hữu công nghiệp có các vai trò quan trọng sau đây:

- Thông tin sở hữu công nghiệp, tiêu biểu là thông tin patent, giúp doanh nghiệp nhanh chóng thích ứng với môi trường kinh doanh luôn biến đổi. Để tồn tại và phát triển được trong môi trường kinh doanh mà sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, doanh nghiệp bắt buộc phải thích nghi với hoàn cảnh mới, có nghĩa là họ phải thay đổi phương thức quản lý, cải tiến và áp dụng công nghệ mới, cải tiến chất lượng công việc và sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất, tăng cường tìm kiếm thị trường và các cơ hội kinh doanh mới. Bảo đảm thông tin, đặc biệt là thông tin sở hữu công nghiệp mà tiêu biểu là thông tin patent, là một trong những biện pháp giúp doanh nghiệp nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh đó. **(0,25đ)**

- Các dữ liệu thông tin sở hữu công nghiệp là nguồn tin cung cấp các dữ kiện ban đầu vô cùng quan trọng cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, triển khai. Thông tin sở hữu công nghiệp giữ vai trò rất quan trọng trong suốt cả quá trình hình thành phương hướng nghiên cứu, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch nghiên cứu, sản xuất cũng như quá trình lưu thông và sử dụng sản phẩm. Nhờ có thông tin sở hữu công nghiệp, đặc biệt là thông tin patent, doanh nghiệp sẽ tránh được việc nghiên cứu trùng lặp, tiết kiệm được thời gian và

chi phí, định hướng sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường và tạo lợi thế so với đối thủ cạnh tranh, đặc biệt là giúp doanh nghiệp tránh việc xâm phạm, vi phạm quyền sở hữu công nghiệp của người khác. **(0,25đ)**

- Thông tin sở hữu công nghiệp giúp doanh nghiệp tăng cường tính hiệu quả và khả năng cạnh tranh của chính các sản phẩm mới. Thông qua việc khai thác thông tin sở hữu công nghiệp, doanh nghiệp tích cực đầu tư cho hoạt động sáng tạo sản phẩm mới, các sản phẩm mới do đó chứa nhiều hàm lượng trí tuệ sẽ được tiếp tục thương mại hoá, mang lại lợi ích to lớn cho doanh nghiệp và cho toàn xã hội. **(0,25đ)**

II. Phân Thực hành (5 điểm)

1. Trình bày ý nghĩa của các mã số INID được sử dụng trong phần thông tin liên quan đến các đối tượng sở hữu công nghiệp (trong Công báo Sở hữu công nghiệp) được chọn:

(i) Sáng chế:

(11): Số Bằng độc quyền sáng chế

(21): Số Đơn

(22): Ngày nộp Đơn

(86): Ngày nộp Đơn PCT, số Đơn

(30): Số Đơn ưu tiên, ngày nộp Đơn ưu tiên, nước xuất xứ

(43): Ngày công bố Đơn

(71), (73): Tên và địa chỉ của Người nộp đơn, tên và địa chỉ của Chủ Văn bằng bảo hộ

(72): Tên của Tác giả

(74): Tên của Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

(54): Tên sáng chế

(57): Tóm tắt sáng chế

(51): Phân loại sáng chế quốc tế

(45): Ngày công bố Bằng độc quyền sáng chế

(87): Số công bố Đơn PCT, ngày công bố

(0,25đ)

(ii) Giải pháp hữu ích:

(11): Số Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

(21): Số Đơn

(22): Ngày nộp Đơn

(43): Ngày công bố Đơn

(71), (73): Tên và địa chỉ của Người nộp đơn, tên và địa chỉ của Chủ Văn bằng bảo hộ

(72): Tên của Tác giả

(74): Tên của Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

(54): Tên giải pháp hữu ích

(57): Tóm tắt giải pháp hữu ích

(51): Phân loại sáng chế quốc tế

(45): Ngày công bố Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

(0,25đ)

(iii) Kiểu dáng công nghiệp:

(11): Số Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

(22): Ngày nộp Đơn

(43): Ngày công bố Đơn

(54): Tên sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp

(51): Phân loại quốc tế kiểu dáng công nghiệp

(73): Tên và địa chỉ của Chủ bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

(72): Tên của Tác giả

(17): Ngày hết hạn hiệu lực của Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

(55): Ảnh chụp/hình vẽ kiểu dáng công nghiệp

(21): Số Đơn

(15): Ngày cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

(45): Ngày công bố Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

(28): Số phương án yêu cầu bảo hộ

(0,25đ)

(iv) Nhãn hiệu hàng hoá:

(111): Số Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá

(732): Tên và địa chỉ của chủ nhãn hiệu hàng hoá

(210): Số Đơn

(531): Phân loại quốc tế các yếu tố hình của nhãn hiệu hàng hoá

(540): Mẫu nhãn hiệu hàng hoá

(151): Ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá

(220): Ngày nộp Đơn

(141): Ngày hết hạn hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá

(0,25đ)

2. Giải thích cấu trúc của các phân loại sáng chế sau đây:

- C25B 15/02: (Bình điện phân và phương pháp tạo ra hydro từ bình điện phân này)

Phân C: Hoá học; Luyện kim; **(0,25đ)**

Lớp C25: Các quy trình điện ly hay điện di; các thiết bị của chúng; **(0,25đ)**

Phân lớp C25B: Điều chế các hợp chất hay á kim bằng các phương pháp điện phân hay bằng phương pháp điện di; thiết bị cho các phương pháp này; **(0,25đ)**

Phân nhóm C25B 15/02: Vận hành hay bảo dưỡng các bể điện phân điều khiển hay điều chỉnh **(0,25đ)**

- F24F 1/00: (Máy điều hoà không khí)

Phân F: Cơ khí; Chiếu sáng; Cấp nhiệt; Vũ khí; Kỹ thuật nổ; **(0,25đ)**

Lớp F24: Sưởi ấm; Lò và Bếp; Thông gió; **(0,25đ)**

Phân lớp F24F: Điều hoà không khí; Làm ấm không khí; Thông gió; Sử dụng các luồng không khí để che chắn; **(0,25đ)**

Nhóm chính F24F 1/00: Thiết bị trong phòng, ví dụ nhận không khí sơ cấp từ trạm trung tâm **(0,25đ)**.

- G01G 13/12: (Phương pháp điều chỉnh lượng vật chất được cung cấp trong quá trình vận chuyển)

Phần G: Vật lý; **(0,25đ)**

Lớp G01: Đo; Thử nghiệm; **(0,25đ)**

Phân lớp G01G: Cân; **(0,25đ)**

Phân nhóm G01G 13/12: Các thiết bị bù trừ cho vật liệu treo ở ngưỡng ngắt, nghĩa là cho vật liệu đang rơi từ xuống thì nguồn bị đóng lại. **(0,25đ)**

3. Sử dụng Bảng Phân loại sáng chế quốc tế được xuất bản lần thứ 6 để phân loại các sáng chế sau đây:

(i) Sáng chế đề cập đến dược phẩm dùng để điều trị viêm gan B được phân loại vào vào Phần A (Các nhu cầu của đời sống con người), Lớp A61 (Y tế và Thú y; Vệ sinh), Phân lớp A61K (Dược phẩm để chữa bệnh; dùng trong khoa răng miệng hoặc với mục đích vệ sinh). Dược phẩm đó được chiết xuất từ thực vật (*phyllanthus ussuriensis* hoặc *phyllanthus urinaria*) nên được phân loại vào Phân nhóm A61K 35/78 (Dược phẩm chứa các chất hoặc sản phẩm của phản ứng chưa rõ cấu tạo, có nguồn gốc từ thực vật). **(0,25đ)**

Vậy Phân loại quốc tế của Sáng chế đề cập đến dược phẩm chứa phân chiết từ *phyllanthus ussuriensis* hoặc *phyllanthus urinaria* dùng để điều trị bệnh viêm gan B là A61K 35/78. **(0,25đ)**

(ii) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất vật định hình có lớp chắn bằng nguyên liệu có thể phân huỷ sinh học và vật định hình nên được phân loại vào Phần B (Các quy trình công nghệ; Giao thông vận tải), Lớp B65 (Vận chuyển; Đóng gói và bảo quản hàng hoặc nguyên vật liệu trong đó bao gồm cả tấm mỏng và sợi), Phân lớp B65D (Thùng chứa để bảo quản hoặc vận chuyển sản phẩm hoặc vật liệu ví dụ bao tải, chai, hộp, can, hộp các-tông, thùng, bì, bình, xi-téc, xà lan, bình kín, các chi tiết bao gói, các cấu kiện). Vật định hình đó gồm có các lớp phủ và ngâm tẩm nên được phân loại vào Phân nhóm B65D 65/42 (Những vật liệu có các lớp phủ hoặc ngâm tẩm). **(0,25đ)**

Vậy Phân loại quốc tế của Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất vật định hình có lớp chắn bằng nguyên liệu có thể phân huỷ sinh học và vật định hình là: B65D 65/42. **(0,25đ)**

ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 2

MÔN: THÔNG TIN - TƯ LIỆU SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

(Thời gian làm bài: 180 phút)

I. Phần Lý thuyết (5 điểm)

1. Anh (Chị) hãy trình bày mục đích, phương pháp tiến hành các loại hình tra cứu thông tin sáng chế? (2 điểm)

2. Anh (Chị) hãy nêu những loại tư liệu sở hữu công nghiệp chủ yếu (trong đó nêu rõ các loại tư liệu do Cục Sở hữu công nghiệp Việt Nam ấn hành hoặc lưu trữ) được sử dụng để

tra cứu thông tin về quyền sở hữu công nghiệp đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp?
(2 điểm)

3. Anh (Chị) hãy trình bày vai trò của thông tin sở hữu công nghiệp đối với doanh nghiệp? (1 điểm)

II. Phân Thực hành (5 điểm)

1. Anh (Chị) hãy trình bày ý nghĩa của các mã số INID (trích từ tiêu chuẩn ST9 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO) được sử dụng trong phần thông tin liên quan đến các đối tượng sở hữu công nghiệp (trong Công báo Sở hữu công nghiệp) sau đây (Phụ lục 1)?
(1 điểm)

2. Anh (Chị) hãy giải thích cấu trúc của các phân loại sáng chế sau đây: (3 điểm)

- A61K 31/00;

- B60K 1/04;

- H04N 7/16.

3. Anh (Chị) hãy sử dụng Bảng Phân loại sáng chế quốc tế được xuất bản lần thứ 6 để phân loại các sáng chế sau đây và giải thích: (1 điểm)

(i) Sáng chế đề cập đến xốp polyuretan dùng làm đế giày có tỷ trọng trung bình nằm trong khoảng từ 0,15 đến 0,5 g/cm³, được điều chế bằng cách cho thành phần polyol chứa: (a) polyete-polyol A có hai hoặc nhiều nhóm hydroxyl; (b) polyme-polyol gồm có polyete-polyol có hai hoặc nhiều nhóm hydroxyl dưới dạng nguyên liệu gốc và các hạt polyme mịn; và (c) chất kéo dài mạch, phản ứng với hợp chất polyisoxyanat với sự có mặt của chất tạo xốp và chất xúc tác, trong đó lượng hạt polyme mịn chiếm từ 10 đến 30 phần trọng lượng tính theo 100 phần trọng lượng của tổng lượng polyete-polyol A và polyme-polyol B. Bột polyuretan không bị tách lớp vỏ ngoài và bị co xốp, và có bề mặt ngoài tuyệt vời. Vì vậy, xốp polyuretan có thể được sử dụng làm đế giày.

(ii) Sáng chế đề cập đến phương pháp đo cực phổ sóng vuông trên giọt thủy ngân đang chảy dựa trên kỹ thuật vi phân tuyến tính quá trình thay đổi diện tích bề mặt điện cực giọt thủy ngân và xác định hệ số tỷ lệ thay đổi diện tích bề mặt giọt thủy ngân ngay trong quá trình giọt đang chảy; hệ số tỷ lệ này được xác định trên cơ sở giả thiết khi các điều kiện khác là giống nhau thì dòng điện qua điện cực giọt thủy ngân phụ thuộc tuyến tính với diện tích bề mặt giọt thủy ngân. Phương pháp này bù trừ ảnh hưởng của sự thay đổi diện tích giọt thủy ngân lên dòng điện qua điện cực, cho phép tăng tốc độ ghi đo cực phổ và loại bỏ các kết cấu phức tạp trong thiết kế của hệ điện cực giọt thủy ngân.

ĐÁP ÁN ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 2

MÔN: THÔNG TIN - TƯ LIỆU SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

I. Phân Lý thuyết (5 điểm)

1. Các loại hình tra cứu thông tin sáng chế:

- Tra cứu tính mới;

- Tra cứu khả năng được cấp patent;

- Tra cứu tình trạng vi phạm;
- Tra cứu tình trạng kỹ thuật.

Mục đích, phương pháp tiến hành từng loại hình tra cứu thông tin sáng chế nêu trên:

- Tra cứu tính mới:

+ Mục đích: xác định thông tin sáng chế/giải pháp hữu ích làm cơ sở để đánh giá giải pháp kỹ thuật yêu cầu tra cứu (nêu trong Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích hoặc chuẩn bị nộp Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích) có tính mới hay không; **(0,25đ)**

+ Phương pháp tiến hành: tìm kiếm các giải pháp kỹ thuật đã biết trong cùng lĩnh vực kỹ thuật với giải pháp kỹ thuật yêu cầu tra cứu tính đến thời điểm ngày ưu tiên (hoặc ngày nộp đơn) của Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích hoặc đến thời điểm yêu cầu tra cứu. **(0,25đ)**

- Tra cứu khả năng được cấp patent:

+ Mục đích: xác định thông tin sáng chế/giải pháp hữu ích làm cơ sở để đánh giá giải pháp kỹ thuật yêu cầu tra cứu (nêu trong Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích hoặc chuẩn bị nộp Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích) có khả năng được cấp Văn bằng bảo hộ hay không; **(0,25đ)**

+ Phương pháp tiến hành: tìm kiếm các dữ liệu được lưu trữ về sáng chế/giải pháp hữu ích để chứng minh giải pháp kỹ thuật yêu cầu tra cứu có tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. **(0,25đ)**

- Tra cứu tình trạng vi phạm:

+ Mục đích: xác định thông tin sáng chế/giải pháp hữu ích làm cơ sở để đánh giá giải pháp kỹ thuật yêu cầu tra cứu được áp dụng có trùng với sáng chế/giải pháp hữu ích đang được bảo hộ và có xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế/giải pháp hữu ích đó ở một nước nào đó hay không; **(0,25đ)**

+ Phương pháp tiến hành: tìm kiếm sáng chế/giải pháp hữu ích (đang được bảo hộ tại một nước nhất định) có các yêu cầu bảo hộ trùng với giải pháp kỹ thuật yêu cầu tra cứu. **(0,25đ)**

- Tra cứu tình trạng kỹ thuật:

+ Mục đích: xác định các thông tin và tư liệu về sáng chế/giải pháp hữu ích trong một lĩnh vực kỹ thuật cụ thể; **(0,25đ)**

+ Phương pháp tiến hành: tìm kiếm các giải pháp kỹ thuật đã biết trong lĩnh vực kỹ thuật đó tính đến thời điểm nêu trong yêu cầu tra cứu. **(0,25đ)**

2. Những loại tư liệu sở hữu công nghiệp chủ yếu được sử dụng để tra cứu thông tin về quyền sở hữu công nghiệp đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp:

- Công báo Sở hữu công nghiệp hoặc Công báo Sáng chế/Giải pháp hữu ích quốc gia, khu vực hoặc quốc tế; **(0,25đ)**

Tư liệu do Cục Sở hữu công nghiệp ấn hành: Công báo Sở hữu công nghiệp, gồm có hai tập: Tập A (bao gồm các thông tin về Đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp; các yêu cầu xét nghiệm nội dung Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích); Tập B (bao gồm các thông tin về Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá; các thông tin liên quan đến hiệu lực của Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp); **(0,25đ)**

- Đăng bạ quốc gia, quốc tế về sở hữu công nghiệp; **(0,25đ)**

Tư liệu do Cục Sở hữu công nghiệp lưu trữ: Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp (Đăng bạ quốc gia về sở hữu công nghiệp), bao gồm các thông tin về Văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá; **(0,25đ)**

- Các Bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích nêu trong Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích và nêu trong Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích của quốc gia, khu vực và quốc tế; **(0,25đ)**

- Các Bản mô tả tóm tắt sáng chế (Abstract) do Cơ quan Sở hữu công nghiệp quốc gia lưu trữ. **(0,25đ)**

- Cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu đăng ký quốc tế theo Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá (địa quang ROMARIN do WIPO ấn hành); **(0,25đ)**

- Cơ sở dữ liệu về kiểu dáng công nghiệp nộp lưu quốc tế theo Thỏa ước La Hay về nộp lưu quốc tế kiểu dáng công nghiệp (địa quang do WIPO ấn hành). **(0,25đ)**

3. Vai trò của thông tin sở hữu công nghiệp đối với doanh nghiệp:

Thông tin sở hữu công nghiệp là toàn bộ các thông tin liên quan đến đối tượng sở hữu công nghiệp, chủ yếu là sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa. Hệ thống thông tin sở hữu công nghiệp là một nguồn tin phong phú, chính xác, tiện dụng, chi phí thấp. **(0,25đ)**

Đối với doanh nghiệp, thông tin sở hữu công nghiệp có các vai trò quan trọng sau đây:

- Thông tin sở hữu công nghiệp, tiêu biểu là thông tin patent, giúp doanh nghiệp nhanh chóng thích ứng với môi trường kinh doanh luôn biến đổi. Để tồn tại và phát triển được trong môi trường kinh doanh mà sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, doanh nghiệp bắt buộc phải thích nghi với hoàn cảnh mới, có nghĩa là họ phải thay đổi phương thức quản lý, cải tiến và áp dụng công nghệ mới, cải tiến chất lượng công việc và sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất, tăng cường tìm kiếm thị trường và các cơ hội kinh doanh mới. Bảo đảm thông tin, đặc biệt là thông tin sở hữu công nghiệp mà tiêu biểu là thông tin patent, là một trong những biện pháp giúp doanh nghiệp nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh đó. **(0,25đ)**

- Các dữ liệu thông tin sở hữu công nghiệp là nguồn tin cung cấp các dữ kiện ban đầu vô cùng quan trọng cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, triển khai. Thông tin sở hữu công nghiệp giữ vai trò rất quan trọng trong suốt cả quá trình hình thành phương hướng nghiên cứu, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch nghiên cứu, sản xuất cũng như quá trình lưu thông và sử dụng sản phẩm. Nhờ có thông tin sở hữu công nghiệp, đặc biệt là thông tin patent, doanh nghiệp sẽ tránh được việc nghiên cứu trùng lặp, tiết kiệm được thời gian và chi phí, định hướng sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường và tạo lợi thế so với đối thủ cạnh tranh, đặc biệt là giúp doanh nghiệp tránh việc xâm phạm, vi phạm quyền sở hữu công nghiệp của người khác. **(0,25đ)**

- Thông tin sở hữu công nghiệp giúp doanh nghiệp tăng cường tính hiệu quả và khả năng cạnh tranh của chính các sản phẩm mới. Thông qua việc khai thác thông tin sở hữu công nghiệp, doanh nghiệp tích cực đầu tư cho hoạt động sáng tạo sản phẩm mới, các sản phẩm mới do đó chứa nhiều hàm lượng trí tuệ sẽ được tiếp tục thương mại hoá, mang lại lợi ích to lớn cho doanh nghiệp và cho toàn xã hội. **(0,25đ)**

II. Phân Thực hành (5 điểm)

1. Trình bày ý nghĩa của các mã số INID được sử dụng trong phần thông tin liên quan đến các đối tượng sở hữu công nghiệp (trong Công báo Sở hữu công nghiệp) được chọn:

(i) Sáng chế:

(11): Số Bằng

(21): Số Đơn

(22): Ngày nộp Đơn

(86): Số Đơn PCT, ngày nộp Đơn

(71), (73): Tên và địa chỉ của Người nộp Đơn, tên và địa chỉ của Chủ Văn bằng bảo hộ

(72): Tên của Tác giả

(74): Tên của Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

(54): Tên sáng chế

(57): Tóm tắt sáng chế

(51): Phân loại sáng chế quốc tế

(45): Ngày công bố Bằng độc quyền sáng chế

(87): Số công bố Đơn PCT, ngày công bố

(0,25đ)

(ii) Giải pháp hữu ích

(11): Số Bằng

(21): Số Đơn

(22): Ngày nộp Đơn

(43): Ngày công bố Đơn

(71), (73): Tên và địa chỉ của Người nộp đơn, tên và địa chỉ của Chủ Văn bằng bảo hộ

(72): Tên của Tác giả

(74): Tên của Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

(54): Tên giải pháp hữu ích

(57): Tóm tắt giải pháp hữu ích

(51): Phân loại sáng chế quốc tế

(45): Ngày công bố Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

(0,25đ)

(iii) Kiểu dáng công nghiệp:

(11): Số Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

(22): Ngày nộp Đơn

(43): Ngày công bố Đơn

(54): Tên sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp

(51): Phân loại quốc tế kiểu dáng công nghiệp

(73): Tên và địa chỉ của Chủ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

(74): Tên của Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

(17): Ngày hết hạn hiệu lực của Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

(55): Ảnh chụp/hình vẽ kiểu dáng công nghiệp

(21): Số Đơn

(15): Ngày cấp Bằng

(45): Ngày công bố Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

(28): Số phương án yêu cầu bảo hộ

(0,25đ)

(iv) Nhãn hiệu hàng hoá:

(111): Số Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá

(732): Tên và địa chỉ của Chủ nhãn hiệu hàng hoá

(210): Số Đơn

(531): Phân loại quốc tế các yếu tố hình của nhãn hiệu hàng hoá

(540): Mẫu nhãn hiệu hàng hoá

(591): Màu sắc bảo hộ

(529): Phạm vi bảo hộ

(151): Ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá

(220): Ngày nộp Đơn

(141): Ngày hết hạn hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá

(0,25đ)

2. Anh (Chị) hãy giải thích cấu trúc của các phân loại sáng chế sau đây: (*điểm*)

- A61K 31/00: (Amit của axit carboxylic, dược phẩm chứa hợp chất này, quy trình điều chế hợp chất và dược phẩm này và sử dụng hợp chất này làm dược phẩm)

Phân A: Các nhu cầu của đời sống con người; **(0,25đ)**

Lớp A61: Y tế và Thú y; Vệ sinh; **(0,25đ)**

Phân lớp A61K: Dược phẩm để chữa bệnh, dùng trong khoa răng miệng hoặc với mục đích vệ sinh; **(0,25đ)**

Nhóm chính A61K 31/00: Thuốc chứa các hợp phần hữu cơ hoạt tính; **(0,25đ)**

- B60K 1/04: (Kết cấu bố trí linh kiện điện trong xe máy hai bánh)

Phân B: Các quy trình công nghệ; Giao thông vận tải; **(0,25đ)**

Lớp B60: Phương tiện vận tải; **(0,25đ)**

Phân lớp B60K: Sắp xếp hoặc lắp ráp các thiết bị hoặc trực truyền động của các phương tiện vận tải; Bộ dẫn động phụ; Những dụng cụ đo; Kiểm tra và bảng điều khiển; Các phương tiện điều khiển bộ dẫn động tổ hợp; Cơ cấu và trang bị các thiết bị động lực, có liên quan tới sự làm lạnh; hút không khí; xả khí hoặc cho nhiên liệu vào các phương tiện vận tải; **(0,25đ)**

Phân nhóm B60K 1/04: Bố trí hoặc lắp ráp phương tiện lưu điện dùng cho thiết bị động lực; **(0,25đ)**

- H04N 7/16: (Hệ thống mật mã tốc độ cao tập trung, phương pháp mã hoá/giải mã tập trung)

Phân H: Điện; **(0,25đ)**

Lớp H04: Kỹ thuật thông tin điện; **(0,25đ)**

Phân lớp H04N: Truyền hình ảnh, ví dụ truyền hình; **(0,25đ)**

Phân nhóm H04N 7/16: Hệ thống truyền hình có bảo mật; Hệ thống truyền hình thuê bao. **(0,25đ)**

3. Sử dụng Bảng Phân loại sáng chế quốc tế được xuất bản lần thứ 6 để phân loại các sáng chế sau đây:

(i) Sáng chế đề cập đến xốp polyuretan (chất hoá học cao phân tử) dùng làm đế giày nên được phân loại vào Phần C (Hoá học; Luyện kim), Lớp C08 (Các hợp chất cao phân tử hữu cơ; Điều chế chúng hoặc gia công hoá học; Các chất tổng hợp trên cơ sở các hợp chất này), Phân lớp C08L (Thành phần của các hợp chất cao phân tử). **(0,25đ)**

Xốp polyuretan này có thành phần chứa polyete nên được phân loại vào Phân nhóm C08L 75/08 (Thành phần của polyure hoặc polyuretan; thành phần của các dẫn xuất của chúng từ polyete). Vậy Phân loại quốc tế của Sáng chế đề cập đến xốp polyuretan dùng làm đế giày là: C08L 75/08. **(0,25đ)**

(ii) Sáng chế đề cập đến phương pháp đo cực phổ sóng vuông trên giọt thuỷ ngân đang chảy nên được phân loại vào Phần G (Vật lý), Lớp G01 (Đo; Thử nghiệm), Phân lớp G01N (Khảo sát hoặc phân tích vật liệu bằng cách xác định hoá tính hoặc lý tính của chúng). **(0,25đ)**

Phương pháp đó sử dụng điện cực giọt thuỷ ngân nên được phân loại vào Phân nhóm G01N 27/34 (Khảo sát hoặc phân tích vật liệu bằng cách sử dụng phương tiện điện cực giọt thuỷ ngân). Vậy Phân loại quốc tế của Sáng chế đề cập đến phương pháp đo cực phổ sóng vuông trên giọt thuỷ ngân đang chảy là: G01N 27/34. **(0,25đ)**

ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 3
MÔN: THÔNG TIN - TƯ LIỆU SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

(Thời gian làm bài: 180 phút)

Câu 1 (Lý thuyết) (5 điểm)

1. Anh/Chị hãy trình bày những điểm mới (sửa đổi, bổ sung) của Thông tư số 30/2003/TT-BKHCN ngày 05.11.2003 so với Thông tư số 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996 về việc sử dụng thông tin trong quá trình xét nghiệm nội dung sáng chế.

2. Anh/Chị hãy nêu những loại tư liệu sở hữu công nghiệp chủ yếu được sử dụng để tra cứu thông tin về quyền sở hữu công nghiệp đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp.

Câu 2 (Thực hành) (5 điểm)

Anh/Chị hãy trình bày ý nghĩa của các thông tin thư mục nêu trong phần thông tin liên quan đến các đối tượng sở hữu công nghiệp (trong Công báo Sở hữu công nghiệp) sau đây (Tình huống S-7, K-11 và N-19).

ĐÁP ÁN ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 3
MÔN: THÔNG TIN - TƯ LIỆU SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Câu 1 (Lý thuyết) (5 điểm)

1. Những điểm mới (sửa đổi, bổ sung) của Thông tư số 30/2003/TT-BKHCN ngày 05.11.2003 so với Thông tư số 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996 về việc sử dụng thông tin trong quá trình xét nghiệm nội dung sáng chế: (3,5 điểm)

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của Cục Sở hữu trí tuệ trong việc tiến hành tra cứu thông tin trong nguồn thông tin tối thiểu quy định tại Điểm 34.2 Thông tư này **(0,25)** để đối chiếu và đánh giá đối tượng nêu trong Đơn theo các tiêu chuẩn bảo hộ (điểm 23.1); **(0,25)**

- Bổ sung quy định về nguồn thông tin tối thiểu bắt buộc **(0,25)** để đánh giá tính mới của giải pháp kỹ thuật (điểm 34.2.): **(0,25)**

Nguồn thông tin tối thiểu bắt buộc gồm có:

+ Tất cả các Đơn khác đã được Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận có cùng chỉ số phân loại với chỉ số phân loại của đối tượng nêu trong Đơn - tính đến chỉ số phân lớp (chỉ số hạng thứ ba) **(0,25)** và có ngày ưu tiên sớm hơn ngày ưu tiên của Đơn **(0,25)**, trừ những Đơn đã hoặc sẽ không được công bố **(0,25)**;

+ Các Đơn sáng chế hoặc/và các patent do các Tổ chức, quốc gia khác công bố/cấp trong vòng 25 năm trước ngày ưu tiên của Đơn - được lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu patent có tại Cục Sở hữu trí tuệ **(0,25)**, với phạm vi tra cứu như quy định tại đoạn trên **(0,25)**;

+ Trong các trường hợp cần thiết và có thể, việc tra cứu được mở rộng đến các báo cáo khoa học, báo cáo kết quả của các chương trình, đề tài nghiên cứu... thuộc cùng lĩnh vực kỹ thuật được công bố và lưu giữ tại Trung tâm Thông tin Tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia. **(0,25)**

- Bổ sung quy định về việc trong quá trình xét nghiệm nội dung Đơn có quyền ưu tiên, Cục Sở hữu trí tuệ có thể sử dụng kết quả tra cứu thông tin và kết quả xét nghiệm Đơn tương ứng đã nộp ở nước ngoài **(0,25)**. Cục Sở hữu trí tuệ có thể sử dụng các tài liệu sau do Người nộp đơn cung cấp nhằm phục vụ cho việc xét nghiệm nội dung (điểm 23.2):

a) Kết quả tra cứu thông tin hoặc xét nghiệm Đơn đã nộp ở nước ngoài cho đối tượng nêu trong Đơn; **(0,25)**

b) Bản sao Patent hoặc Văn bằng bảo hộ khác đã cấp trên cơ sở Đơn đã nộp ở nước ngoài cho đối tượng nêu trong Đơn; **(0,25)**

c) Tài liệu liên quan đến tình trạng kỹ thuật của đối tượng nêu trong Đơn mà Người nộp đơn được cơ quan patent nước ngoài cung cấp. **(0,25)**

2. Nêu những loại tư liệu sở hữu công nghiệp chủ yếu được sử dụng để tra cứu thông tin về quyền sở hữu công nghiệp đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp: (1,5 điểm)

- Công báo Sở hữu công nghiệp, gồm có hai tập: Tập A (bao gồm các thông tin về Đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp; các yêu cầu xét nghiệm nội dung Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích); Tập B (bao gồm các thông tin

về Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá; các thông tin liên quan đến hiệu lực của Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp); **(0,25đ)**

- Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp (Đăng bạ quốc gia về sở hữu công nghiệp), bao gồm các thông tin về Văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá; **(0,25đ)**

- Các Bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích thuộc Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích, và thuộc Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích; **(0,25đ)**

- Các ấn phẩm mô tả tóm tắt sáng chế (Abstract); **(0,25đ)**

- Cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu đăng ký quốc tế theo Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá (Công báo nhãn hiệu đăng ký quốc tế của WIPO); **(0,25đ)**

- Cơ sở dữ liệu về kiểu dáng công nghiệp nộp lưu quốc tế theo Thỏa ước La Hay về nộp lưu quốc tế kiểu dáng công nghiệp (Công báo đăng ký kiểu dáng công nghiệp quốc tế của WIPO). **(0,25đ)**

Câu 2 (Thực hành) (5 điểm)

Trình bày ý nghĩa của các thông tin thư mục nêu trong phần thông tin liên quan đến các đối tượng sở hữu công nghiệp (trong Công báo Sở hữu công nghiệp) sau đây:

1. Tình huống S-7:

(22): Ngày nộp Đơn **(0,25)**

(86): Ngày nộp Đơn PCT **(0,25)**, số Đơn PCT **(0,25)**

(30): Số Đơn ưu tiên **(0,25)**, ngày nộp Đơn ưu tiên **(0,25)**, nước xuất xứ **(0,25)**

(43): Ngày công bố Đơn **(0,25)**

(72): Tên của Tác giả **(0,25)**

(51): Phân loại Sáng chế Quốc tế **(0,25)**

(87): Số công bố Đơn PCT **(0,25)**, ngày công bố Đơn PCT **(0,25)**

2. Tình huống K-11:

(28): Số phương án yêu cầu bảo hộ **(0,25)**

(30): Số Đơn ưu tiên **(0,25)**, ngày nộp Đơn ưu tiên **(0,25)**, nước xuất xứ **(0,25)**

(51): Phân loại quốc tế kiểu dáng công nghiệp **(0,25)**

3. Tình huống N-19:

(511): Phân loại quốc sản phẩm/dịch vụ **(0,25)**

(441): Ngày công bố đơn **(0,25)**

(531): Phân loại quốc tế các yếu tố hình của nhãn hiệu hàng hoá **(0,25)**

(591): Màu sắc bảo hộ **(0,25)**